

BỘ THƯƠNG MẠI-ỦY
BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN
NÚI-BỘ TÀI CHÍNH-BỘ
KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Số: 07/2002/TTLT-BTM-
UBDTMN-BTC-BKHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2002

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 02/2002/NĐ-CP ngày 03/1/2002
và Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ về phát triển
thương mại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc

Căn cứ nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ về phát triển thương mại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc và Nghị định số 02/2002/LNĐ-CP ngày 03/1/2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/1998/NĐ-CP.

Liên Bộ Thương mại Ủy ban Dân tộc và Miền núi - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện như sau:

I. VỀ ĐỊA BÀN MIỀN NÚI, HẢI ĐẢO, VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC

Địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc là địa bàn được Ủy ban Dân tộc và Miền núi công nhận và phân loại theo ba khu vực theo mức độ phát triển (I, II, III) tại các Quyết định: Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997;

Quyết định số 26/1998/QĐ-UB ngày 18/3/1998;

Quyết định số 21/1998/QĐ-UB ngày 18/8/1998;

quyết định Số 211/1998/QĐ-UBDTMN ngày 25/2/1998 của Ủy ban Dân tộc và Miền núi Ủy ban Dân tộc và Miền núi quyết định và hướng dẫn thực hiện trong trường hợp có sự thay đổi về đơn vị hành chính và địa giới của các xã, huyện, tỉnh thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc.

II. XÂY DỰNG CHỢ, CỬA HÀNG THƯƠNG MẠI NHÀ NƯỚC HOẶC HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Ở TRUNG TÂM CỤM XÃ CỦA TỪNG KHU

1. Đối với khu vực III: Việc xây dựng chợ và cửa hàng thương nghiệp nhà nước hoặc hợp tác xã thương mại dịch vụ ở địa bàn thuộc chương trình xây dựng trung tâm cụm xã miền núi, vùng cao theo Quyết định số 35/TTg ngày 13/1/1997 của Thủ tướng Chính phủ (nay thuộc Chương trình 135) thực hiện theo Thông tư liên tịch số 666/2001/TTLT-BKH-UBDTMN-BXD-BTC ngày 23/8/2001 hướng dẫn quản lý đầu tư và xây dựng công trình hạ tầng thuộc Chương trình 135.

2. Đối với khu vực II: Việc xây dựng chợ và cửa hàng thương nghiệp nhà nước hoặc hợp tác xã thương mại dịch vụ ở địa bàn không thuộc chương trình xây dựng trung tâm cụm xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét các điều kiện sau đây để quyết định đầu tư xây dựng từ ngân sách địa phương:

Chợ, cửa hàng phải nằm trong quy hoạch.

Có yêu cầu bức xúc hình thành chợ để đẩy mạnh giao lưu hàng hóa, ổn định đời sống, phát triển sản xuất hàng hóa.

3. Đối với khu vực I: Việc xây dựng chợ và cửa hàng thương nghiệp thực hiện phương châm "Nhà nước và người kinh doanh cùng làm":

Nhà nước hỗ trợ một phần ngân sách đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng của chợ như san ủi mặt bằng, điện, cấp thoát nước, hệ thống vệ sinh....

Người kinh doanh góp vốn để xây dựng các công trình kiến trúc nơi bán hàng: ki ốt, quầy bán hàng, đình chợ và được sử dụng diện tích kinh doanh trong chợ theo quy định trong hợp đồng góp vốn giữa người kinh doanh với cơ quan quản lý chợ.

Huy động từ nguồn vốn tín dụng trung hoặc dài hạn với lãi suất ưu đãi.

Khuyến khích các hình thức đầu tư khác theo quy định của luật pháp.

4. Sở Thương mại - Du lịch (sau đây gọi tắt là Sở Thương mại) căn cứ quy hoạch phát triển chợ và các điều kiện khác, phối hợp với các ngành hữu quan xây dựng kế hoạch phát triển chợ, cửa hàng thương nghiệp nhà nước hoặc hợp tác xã thương mại - dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

Sở Thương mại thực hiện chức năng quản lý chuyên ngành đối với hoạt động chợ theo Thông tư số 15/TM-CSTTTN ngày 16/10/1996 của Bộ Thương mại. Việc quản lý chợ về mặt hành chính theo quy định về phân cấp quản lý chợ tại Mục II Thông tư số 15/TM-CSTNTN ngày 16/10/1996 của Bộ Thương mại về miễn giảm thu nhập doanh nghiệp, giảm lãi suất cho vay đối với thương nhân ở miền núi, hải đảo vùng đồng bào dân tộc là đối tượng áp dụng

Đối tượng được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp là các thương nhân thuộc các thành phần kinh tế có hoạt động thương mại tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc, bao gồm:

Doanh nghiệp nhà nước;

Doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan hành chính sự nghiệp;

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Hợp tác xã; Các doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân có đăng ký kinh doanh và hoạt động theo Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03/2/2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

Các đối tượng trên chỉ được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này khi:

Đăng ký kinh doanh và hoạt động theo đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.

Đăng ký thuế, kê khai thuế theo đúng luật định.

Mở sổ kế toán, ghi chép, lưu giữ sổ kế toán, hóa đơn chứng từ, giấy tờ liên quan đến hoạt động thương mại theo đúng quy định của pháp luật

2. Địa bàn áp dụng.

Địa bàn miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc được áp dụng quy định miễn, giảm thuế thực hiện theo quy định tại Mục I của Thông tư liên tịch này.

3. Nội dung miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các thương nhân có hoạt động thương mại tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc được miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

a. Mức miễn, giảm và thời gian thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với thương nhân kinh doanh tại khu vực III thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc:

a1) Đối với đối tượng đang được miễn, giảm thuế lợi tức theo quy định tại Nghị định số 20/1998/ NĐ-CP:

Tiếp tục được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn và theo mức miễn, giảm như đang hưởng.

Đối với đối tượng chưa được miễn, giảm thuế.

Thực hiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời hạn 7 năm tiếp theo, nếu sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên thì được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm nữa.

a2) Đối với thương nhân kinh doanh tại khu vực n thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc kinh doanh các mặt hàng chính sách xã hội và các mặt hàng nông, lâm sản được trợ cước vận chuyển:

Đối với đối tượng đang được miễn, giảm thuế lợi tức theo quy định tại Nghị định số 20/1998/ND-CP: Tiếp tục được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn và theo mức miễn, giảm như đang hưởng.

Đối tượng chưa được miễn, giảm thuế. Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời hạn 5 năm tiếp theo, nếu sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên thì được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm 2 năm nữa.

a3) Đối với thương nhân kinh doanh ở khu vực I trực tiếp bán các mặt hàng chính sách xã hội và thương nhân trực tiếp hoạt động kinh doanh ở khu vực I và khu vực II thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc khi bán các hàng hóa khác (ngoài các hàng hóa được nêu ở tiết a2 thuộc khoản a tiểu mục 8 của Mục III Thông tư liên tịch này):

Đối với đối tượng đang được miễn, giảm thuế lợi tức theo quy định tại Nghị định số 20/1998/ND-CP: Tiếp tục được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn và theo mức miễn, giảm như đang hưởng.

Đối tượng chưa được miễn, giảm thuế. Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo, nếu sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên thì được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm 2 năm nữa.

Để được miễn, giảm thuế theo các tiết a, b, c điểm 3.1 mục 3 Phần III của Thông tư liên tịch này, thương nhân phải hạch toán riêng phần doanh thu và thu nhập chịu thuế của hoạt động thương mại phát sinh trên địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc làm cơ sở để cơ quan thuế xác định và thực hiện việc miễn, giảm thuế.

b) Thẩm quyền, trình tự và thủ tục xét miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc miễn, giảm thuế cho các thương nhân theo quy định tại Nghị định số 02/2002/ND-CP và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này do cơ quan thuế trực tiếp quản lý việc nộp thuế của thương nhân thực hiện vào thời điểm quyết toán thuế hàng năm.

Hàng quý, thương nhân được tạm thời kê khai và nộp thuế theo mức thuế được miễn, giảm quy định tại điểm 3 Mục III của Thông tư liên tịch này. Hết năm, khi quyết toán, cơ quan thuế xét duyệt chính thức trên tờ khai tính thuế và ra thông báo thuế, trong đó ghi rõ số thuế phải nộp, số thuế được miễn, giảm. Nếu số thuế thương nhân đã tạm nộp trong năm chưa đủ so với số thuế phải nộp ghi trong thông báo thuế thì thương nhân phải nộp đủ số thuế còn thiếu theo đúng thời hạn ghi

tròng thông báo; trường hợp số thuế tạm nộp lớn hơn số thuế ghi trong thông báo thì được trừ vào số thuế phải nộp của năm sau.

Cơ quan thuế chỉ được thực hiện việc miễn, giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này đối với các thương nhân kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với cơ quan thuế trực tiếp quản lý tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc nơi phát sinh hoạt động thương mại thuộc diện ưu đãi.

Trong cùng một thời gian, nếu thương nhân vừa được miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 02/2002/NĐ-CP, vừa được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thì việc miễn, giảm thuế được thực hiện theo quy định có mức miễn, giảm lớn nhất trong các quy định trên.

4. Trách nhiệm của thương nhân và của cơ quan thuế.

a) Thương nhân kinh doanh tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thuộc đối tượng áp dụng Thông tư liên tịch này có trách nhiệm:

Xuất trình Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với cơ quan thuế quản lý ở địa bàn.

Kê khai đầy đủ doanh thu và thu nhập chịu thuế theo định kỳ do cơ quan thuế hướng dẫn.

Thương nhân vi phạm chế độ đăng ký, kê khai thuế, chế độ sổ sách, chứng từ kế toán thì không được miễn, giảm thuế theo quy định tại Thông tư liên tịch này và tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm: - Hướng dẫn, kiểm tra các thương nhân trong việc triển khai thực hiện Thông tư liên tịch này.

Trong quá trình kiểm tra nghĩa vụ nộp thuế của các thương nhân theo định kỳ, kiểm tra quyết toán thuế, nếu phát hiện thương nhân có hành vi khai man, trốn thuế thì ngoài việc không thực hiện miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Thông tư liên tịch này, cơ quan thuế có trách nhiệm truy thu đủ số thuế thương nhân phải nộp theo luật định, xem xét mức độ vi phạm và xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Cơ quan thuế phải phản ánh đầy đủ, rõ ràng số thuế phải nộp, số thuế được miễn, giảm; số thuế còn phải nộp và các chỉ tiêu khác trên các chứng từ thu, tờ khai thuế, sổ bộ thuế và sổ kế toán thuế. Cuối năm, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp đầy đủ tình hình thực hiện việc miễn, giảm thuế theo quy định tại Thông tư liên tịch này và báo cáo Bộ Tài chính (TQNG cục Thuế).